|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Biệt Dược** | **Thứ tự theo Thông tư 40 và 30 của BYT** | | **Khuyến cáo** | **Tra cứu phân loại FDA** | | **Ghi chú** |
| **TT**  **40** | **TT 30** | **Hoa Kỳ** | **Úc** |  |
| 1 | Morphin | 16,  43,  44 | 50 | Suy hô hấp và hội chứng cai thuốc có thể xảy ra ở trẻ sơ sinh khi sử dụng thuốc trong giai đoạn chuyển dạ; ứ đọng ở dạ dày và nguy cơ viêm phổi ở mẹ cũng được báo cáo khi sử dụng thuốc trong giai đoạn chuyển dạ | C | C | -Thuốc tác động trên hệ TKTW  -Thuốc giảm đau hạ sốt  -Thuốc giảm đau opioid |
| 2 | Paracetamol + codein phosphat | 50 | 58 | Việc sử dụng Paracetamol – codein trong quá trình chuyển dạ có thể gây suy hô hấp ở trẻ sơ sinh | NA | NA | -Thuốc tác động trên hệ TKTW  -Thuốc giảm đau hạ sốt |
| 3 | Meloxicam | 41 | 48 | Tránh dùng trong thai kỳ, trừ khi lợi ích vượt trội nguy cơ. Nên tránh sử dụng trong 3 tháng cuối của thai kỳ do nguy cơ đóng ống động mạch của thai trong tử cung và có thể tăng áp lực phổi kéo dài ở trẻ sơ sinh. Ngoài ra, chuyển dạ có thể bắt đầu muộn hoặc kéo dài. | C-D (30tuần đầu-trên 30 tuần sau) | C | -Thuốc tác động trên hệ cơ, xương khớp  -Thuốc chống viêm không steroid  -Thuốc giảm đau hạ sốt  -Dẫn xuất Enonic acid (Oxicam) |
| 4 | Piroxicam | 55 | 72 |
| 5 | Colchicin | 61 | 77 | Tránh dùng | C | D | -Thuốc tác động trên hệ xương khớp  -Thuốc điều trị gout và rối loạn uric  – Nhóm ức chế thực bào urat |
| 6 | Metronidazol | 212 | 219,  311 | Tránh dùng liều cao. Là lựa chọn trong điều trị trichomoniasis, nhưng phải thận trọng trong tam cá nguyệt đầu tiên. | B | B2 | -Thuốc kháng khuẩn, nấm. KST  -Thuốc kháng sinh  -Nhóm Nitro -imidazole |
| 7 | Sulfamethoxazol + trimethoprim | 242 | 243 | Sulfonamides không nên sử dụng trong giai đoạn cuối thai kỳ vì có thể gây vàng da nhân ở trẻ sơ sinh. Dùng lâu dài có thể gây tăng bilirubin máu, thiếu máu tán huyết. | B  (D dùng thời gian dài) | C | -Kháng khuẩn nấm, KST  -Thuốc kháng sinh  -Dạng kết hợp, Nhóm Sulfonamidies |
| 8 | Doxycyclin | 245 | 245 | Tetracyclin bị chống chỉ định. Thuốc này qua nhau thai và có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của răng và xương của bào thai. | D | D | -Kháng khuẩn nấm, KST  -Thuốc kháng sinh ; -Nhóm Tetracyclin |
| 9 | Neomycin | 199 | 212 | Nguy cơ tổn thương dây thần kinh thính giác hoặc tiền đình ở trẻ khi mẹ sử dụng thuốc trong 3 tháng giữa hoặc 3 tháng cuối của thai kỳ | D | D | Kháng khuẩn nấm, KST  -Thuốc kháng sinh  -Nhóm Aminoglycosides |
| 10 | Gentamicin | 198 | 211 | Aminoglycosides đi qua nhau thai và có nồng độ trong huyết tương của bào thai bằng 10 – 15 % nồng độ huyết tương của người mẹ. Độc tính tai có thể xảy ra khi sử dụng Gentamicin. Những ảnh hưởng nghiêm trọng trên bào thai và trẻ sơ sinh chưa được báo cáo đối với những kháng sinh Aminoglycoside khác nhưng những kháng sinh này có nguy cơ gây nguy hiểm do có độc tính trên tai và thần kinh. | D | D |
| 11 | Lidocain | 12,  486,  904 | 12 | Thuốc an toàn cho phụ nữ mang thai  Liều cao có thể gây chậm nhịp tim của thai; dùng liều cao trong thời gian chuyển dạ có thể gây suy hô hấp, giảm trương lực cơ hoặc nhịp tim chậm ở trẻ sơ sinh sau khi phong bế vùng cạnh cổ tử cung hoặc ngoài màng cứng | B | A | -Thuốc tác động trên hệ tim mạch  -Thuốc chống loạn nhịp  -Nhóm IB |
| 12 | Phenobarbital | 136 | 153 | Phenobarbital làm tăng nguy cơ gây quái thai (đặc biệt nếu dùng thuốc trong 3 tháng đầu thai kỳ). Ngoài ra, có thể xảy ra hội chứng cai thuốc ở trẻ sơ sinh. Thuốc gây dị tật như: khe hở môi và vòm miệng, khiếm khuyết tim.  Tiêm bổ sung vitamin K định kỳ để giảm thiểu nguy cơ chảy máu ở trẻ sơ sinh. | D | D | -Thuốc tác động trên hệ TKTW  -Thuốc chống co giật/ chống dộng kinh  -Nhóm Barbitutare |
| 14 | Diazepam | 4,  933 | 5,  893 | Nguy cơ xảy ra hội chứng cai thuốc ở trẻ sơ sinh có mẹ sử dụng các thuốc benzodiazepin trong thai kỳ. Tránh dùng thường xuyên và chỉ dùng khi có chỉ định rõ ràng như để kiểm soát cơn động kinh. Dùng liều cao cuối thai kỳ hoặc khi chuyển dạ có thể gây hạ thân nhiệt, giảm trương lực cơ và suy hô hấp ở trẻ sơ sinh | NA | C | -Thuốc tác động trên hệ TKTW  -Thuốc chống lo âu  - Nhóm thuốc benzodiazepine |
| 15 | Piracetam | 576 | 942 | Tránh dùng | NA | NA | -Thuốc tác động trên hệ TKTW  -Thuốc kích thích TKTW |
| 16 | Cyanocoobalamin, hydroxocobalamil  Nifedipin | 1043,  1056,  519 | 127,  1023,  534 | Sử dụng được ở phụ nữ mang thai với liều hàng ngày được khuyến cáo là 2,2mcg. Thiếu hụt B12 cũng làm tăng nguy cơ mắc dị tật ống thần kinh ở trẻ.  Vitamin B12 được cung cấp từ các sản phẩm như thịt, cá, trứng sữa.  Thuốc không có bằng chứng gây quái thai trên người.  Có thể sử dụng trên PNMT nhưng phải chú ý tương tác của thuốc với ion kim loại hóa trị cao như: sắt, magnesi, canxi… Không dùng chung với sữa, trà, café. | C  C | NA  C | -Các vitamins và khoáng chất  -Các vitamins  -Vitamin nhóm B  -Thuốc tác động trên hệ tim mạch  -Thuốc chống tăng huyết áp  -Chẹn kênh calcium |
| 17 | Atenolol | 476 | 503 | Có thể làm thai chậm phát triển trong tử cung, làm hạ glucose huyết ở trẻ sơ sinh và chậm nhịp tim, nguy cơ lớn hơn trong trường hợp tăng huyết áp nặng. | D | C | -Thuốc tác động trên hệ tim mạch  -Thuốc chẹn Beta adrenergic  -Chẹn chọn lọc Beta1 |
| 18 | Epinephrin | 86 | 105 | Có thể làm giảm tới máu nhau thai và gây nhịp tim nhanh, tim không đều và ngoại tâm thu ở thai nhi; Có thể làm trì hoãn giai đoạn thứ 2 của chuyển dạ; nhà sản xuất khuyến cáo chỉ dùng thuốc nếu lợi ích vượt trội nguy cơ | C | A | -Thuốc tác động trên hệ tim mạch  -Thuốc kích thích hệ adrenergic |
| 19 | Imidapril | 504 | 520 | Tránh dùng trong thai kỳ, trừ khi thật cần thiết. Có thể tác động bất lợi đến việc kiểm soát huyết áp và chức năng thận của thai nhi và trẻ sơ sinh; khuyết tật ở sọ và cạn nước ối cũng đã được báo cáo | NA | D | -Thuốc tác động trên hệ tim mạch  -Thuốc chống tăng huyết áp  -Ức chế men chuyển Angiotensin |
| 20 | Simvastatin | 559 | 577 | Tránh sử dụng. Cần sử dụng biện pháp tránh thai thích hợp trong quá trình điều trị và sau đó 1 tháng | X | D | -Thuốc tác động trên hệ tim mạch  -Thuốc điều trị rồi loạn lipid  -Nhóm chất ức chế HMG-CoA reductase- Các statin .-Statin tự nhiên |
| 21 | Furosemid | 659 | 660 | Thuốc lợi tiểu Furosemide không gây quái thai, nhưng khi thử nghiệm trên thú cho thấy tác hại gây độc và gây chết bào thai.  Giống như lợi tiểu Thiazide, thuốc này có thể làm giảm thể tích máu và tốc độ chảy của máu đến bào thai. | C | C | -Thuốc tác động trên hệ tim mạch  -Thuốc lợi tiểu  -Thuốc lợi tiểu quai |
| 22 | Metformin | 807 | 788 | Tránh dùng Không nên dùng. Insulin là thuốc lựa chọn để kiểm soát đái tháo đường trong thời kỳ này. | B | C | -Thuốc tác động trên hệ nội tiết  -Thuốc điều trị tiểu đường  -Nhóm Biguanides |
| 23 | Gliclazid + Metformin | 800+807 | 775 | NA | NA | -Thuốc tác động trên hệ nội tiết  -Thuốc điều trị tiểu đường |
| 24 | Diphenhydramine | 84 | 103 | Thuốc chẹn receptor histamin-1 như Diphenhydramine có thể có liên quan đến gây quái thai nhưng mức độ thì vẫn chưa biết rõ. Những thuốc này không nên được sử dụng trong 3 tháng cuối của thai kỳ vì khả năng gây những tác dụng có hại đối với trẻ sơ sinh. | B | A | -Thuốc dị ứng và hệ miễn dịch  -Thuốc khác histamin H1  -Thế hệ 1  Thuốc an toàn cho PNMT |
| 25 | Methylprednisolon | 775 | 748 | Lợi ích điều trị trong thai kỳ cao hơn nguy cơ; cần theo dõi chặt chẽ khi phụ nữ mang thai có dấu hiệu ứ dịch. Dự phòng suy hô hấp ở trẻ sơ sinh, có thể dùng cho bà mẹ khi chuyển dạ. Hiện chưa có bằng chứng thuyết phục chứng minh dùng đường uống hoặc tiêm gây dị tật hở môi hoặc hở hàm ếch. Sử dựng corticoid toàn thân nhiều lần và kéo dài trong thai kỳ làm tăng nguy cơ bào thai chậm phát triển trong tử cung. | C | A | -Thuốc tác động trên hệ nội tiết  - Corticosteroids  -Dạng toàn thân |
| 26 | Povidol iod | 654,  656 | 655,  657 | Lượng iod hấp thu có thể đủ để ảnh hưởng đến tuyến giáp của thai nhi trong 3 tháng giữa và 3 tháng cuối của thai kỳ | C | C | -Thuốc da liễu  -Thuốc kháng khuẩn dùng ngoài |

**Tài liệu tham khảo:***- Dược thư quốc gia Việt Nam dùng cho tuyến y tế cơ sở*

*- Hướng dẫn tra phân loại thuốc dùng cho phụ nữ có thai theo FDA và TGA*